

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 269-TB/TU ngày 30/3/2026 của Tỉnh ủy Ninh Bình về thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 30/3/2026 và ý kiến thống nhất của tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị giao ban ngày 26/3/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3354/TTr-STC ngày 08/4/2026 và hồ sơ, tài liệu kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại: cơ quan nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư); ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước; các xã, phường (sau đây gọi là các cơ quan, tổ chức, đơn vị) theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này; các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm:

- Quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật; đảm bảo công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý xe ô tô dôi dư, thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP. Báo cáo kết quả xếp lại, xử lý, thanh lý xe ô tô về Sở Tài chính trước ngày 30/4/2026.

- Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc: Thực hiện quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hạch toán, kế toán đầy đủ về hiện vật, giá trị đối với xe ô tô được giao quản lý, sử dụng; hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về xe ô tô theo quy định.

- Cập nhật đầy đủ dữ liệu, số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc kiến nghị, đề xuất, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

b) Bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe ô tô dôi dư (nếu có) theo quy định của pháp luật về lao động; phối hợp với Sở Nội vụ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, đơn vị việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng; kiến nghị hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật;

b) Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tham mưu UBND tỉnh sắp xếp lại, xử lý, mua sắm xe ô tô chuyên dùng theo quy định hiện hành;

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo;

d) Trường hợp giá mua xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm cao hơn so với mức giá tối đa do UBND tỉnh ban hành tại Quyết định này, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực V thực hiện kiểm soát chi đối với các nội dung liên quan đến việc mua sắm, sửa chữa, thanh lý và các hình thức xử lý khác đối với xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Quyết định và điều, khoản sau đây hết hiệu lực thi hành:
 - a) Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành số lượng xe ô tô phục vụ công tác chức danh; số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;
 - b) Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Nam.
 - c) Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh; chuyển đổi công năng xe phục vụ công tác chung sang xe ô tô chuyên dùng và điều chuyển xe ô tô từ Văn phòng Tỉnh ủy sang Bệnh viện Đa khoa tỉnh để quản lý, sử dụng.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Phước*

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TTCB, VP5, VP12.

ĐTT_VP5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng
Trần Song Tùng



Phụ lục
BAN HÀNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: 1381/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG CỘNG	571			
I	SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP TỈNH	486			
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	1			
		1	Xe ô tô được gắn biển "XE HỘ ĐÊ" (Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật)	4.950	Xe thường xuyên phục vụ công tác phòng, chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn; công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng
2	Sở Xây dựng	200			
2.1	Trường Trung cấp Giao thông vận tải Ninh Bình	200			
		115	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô con 05 chỗ ngồi)	950	Phục vụ nhiệm vụ đào tạo, sát hạch
		8	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô khách 29 - 36 chỗ ngồi)	2.000	
		7	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô khách 45 - 47 chỗ ngồi)	4.000	
		69	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô tải)	900	
		1	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô Sômi rơ móc)	1.200	

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
3	Sở Khoa học và Công nghệ	2			
3.1	Sở Khoa học và Công nghệ	1			
		1	Xe ô tô thông tin chuyên dùng (Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng)	2.800	Đảm bảo thông tin liên lạc chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó và đảm bảo an toàn trong điều kiện thiên tai, bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất đá, đang diễn ra
3.2	Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng	1			
		1	Xe gắn bộ giá lắp bình chuẩn để lấy mẫu kiểm tra đặc thù về đo lường và bình chứa mẫu xăng, dầu, hóa chất đi thử nghiệm (Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng)	1.050	Phục vụ công tác kiểm tra về đo lường và lấy mẫu thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa
4	Sở Nội vụ	12			
4.1	Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nho Quan	2			
		1	Xe ô tô khách 35 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
4.2	Trung tâm Nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng và Điều dưỡng người có công Hà Nam	4			
		3	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
4.3	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Nam Định	3			
		2	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
4.4	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Ninh Bình	3			
		2	Xe ô tô khách 35 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đưa đón người có công đến điều dưỡng tại trung tâm
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ người có công điều dưỡng và được nuôi dưỡng tại trung tâm
5	Sở Văn hóa và Thể thao	32			
5.1	Bảo tàng tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ hoạt động trưng bày lưu động
5.2	Thư viện tỉnh Ninh Bình	3			
		3	Xe ô tô tải	900	Phục vụ hoạt động lưu động trong tỉnh
5.3	Trung tâm Văn hóa tỉnh Ninh Bình	9			
		1	Xe ô tô khách 45 chỗ ngồi	4.000	Phục vụ tham gia các hội thi, hội diễn, tuyên truyền lưu động do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Văn hóa tổ chức, lưu diễn, Tham gia các hoạt động triển lãm phục vụ nhiệm vụ phát triển du lịch, phục vụ các nhiệm vụ chính trị khác
		5	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ công tác tuyên truyền và chiếu phim lưu động, phục vụ các cuộc triển lãm và các nhiệm vụ chính trị khác; Phục vụ tham gia các hội thi, hội diễn, tuyên truyền lưu động do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Văn hóa tổ chức, lưu diễn; Tham gia các hoạt động triển lãm phục vụ nhiệm vụ phát triển du lịch
		1	Xe phát thanh truyền hình lưu động (Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng)	1.000	
		2	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở thiết bị âm thanh ánh sáng

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
5.4	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Ninh Bình	12			
		3	Xe ô tô khách 47 chỗ ngồi	4.000	Xe chở diễn viên, nhạc công
		2	Xe ô tô khách 34 chỗ ngồi	2.000	
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	
		6	Xe ô tô tải	900	Xe chở thiết bị, đạo cụ, thiết bị âm thanh, ánh sáng
5.5	Trung tâm Thể Thao I tỉnh Ninh Bình	4			
		2	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Xe phục vụ 02 đội Bóng chuyền nam nữ hạng mạnh
		1	Xe ô tô khách 19 chỗ ngồi	1.800	Xe chở các vận động viên đi tập huấn, thi đấu các môn thể thao cá nhân, đồng đội như: vật, cờ vua, quần vợt, cầu lông, ...
		1	Xe ô tô khách 45 chỗ ngồi	4.000	Xe chở các vận động viên môn Bóng chuyền các tuyến đi tập huấn, thi đấu và phục vụ đăng cai tổ chức các giải thể thao quốc gia, quốc tế
5.6	Trung tâm Thể Thao II tỉnh Ninh Bình	3			
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Chở vận động viên đi tập luyện và thi đấu
		2	Xe ô tô khách 47 chỗ ngồi	4.000	
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12			
6.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1			
		1	Xe ô tô được gắn biển "XE HỘ ĐÊ" (Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật)	2.800	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn; công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
6.2	Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	3			
		3	Xe phòng, chống thiên tai gắn thiết bị chuyên dùng được quyền ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ (Xe gắn thiết bị chuyên dùng)	2.800	Phục vụ công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, tuần tra, kiểm tra rừng; quản lý lâm sản và động vật hoang dã
6.3	Trung tâm Giống Nông nghiệp	4			
		4	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, con giống, thiết bị, dụng cụ
6.4	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, thiết bị, phòng chống dịch bệnh
6.5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, thiết bị, phòng chống dịch bệnh
6.6	Trung tâm Giống Thủy hải sản	2			
		2	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở vật tư, con giống, thiết bị, dụng cụ
6.7	Ban Quản lý cảng cá	1			
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão
6.8	Chi cục Thủy lợi	2			
		2	Xe ô tô được gắn biển "XE HỘ ĐỀ" (Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật)	2.800	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn; công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng
7	Thanh tra tỉnh	1			
		1	Xe ô tô khách 19 chỗ ngồi	1.800	Phục vụ công tác Thanh tra

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
8	Trường Đại học Hoa Lư	2			
		1	Xe ô tô khách 34 chỗ ngồi	2.000	Chở cán bộ, giảng viên, sinh viên đi học tập thực tế theo chương trình học, ...
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	
9	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	2			
		1	Xe ô tô khách 29 chỗ ngồi	2.000	Phục vụ đào tạo thực hành cho học sinh, sinh viên nghề hướng dẫn viên du lịch
		1	Xe ô tô tải	900	Phục vụ chở máy móc, thiết bị dạy nghề cho các điểm trường huyện
10	Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam	19			
		10	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô con 05 chỗ ngồi)	950	Phục vụ nhiệm vụ đào tạo lái xe
		9	Xe ô tô tập lái được gắn 02 biển "XE TẬP LÁI" trước và sau xe (Xe ô tô tải)	900	
11	Sở Y tế	203			
11.1	Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Tam Điệp	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.2	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	6			
		5	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.450	Xe phục vụ cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.3	Bệnh viện Đa khoa Hà Nam	10			
		2	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ công tác phòng, chống dịch
		8	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.4	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	3			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Vận chuyển chất thải y tế
11.5	Bệnh viện Đa khoa Nam Lý	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.6	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	14			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng
		2	Xe vận chuyển người bệnh (Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt)	1.500	Xe vận chuyển người bệnh
		8	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		2	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác chở chất thải y tế
		1	Xe lấy máu (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	800	Xe lấy máu

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.7	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	5			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe vận chuyển người bệnh (Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác chở chất thải y tế
11.8	Bệnh viện Da liễu Nam Định	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.9	Bệnh viện Mắt Hà Nam	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Vận chuyển bệnh nhân
11.10	Bệnh viện Mắt Ninh Bình	4			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện, chở bệnh nhân cấp cứu khi cần
		1	Xe khám, chữa mắt lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	1.300	Khám các bệnh về mắt lưu động tuyến cơ sở
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Chỉ đạo tuyến dưới về các chuyên môn kỹ thuật, thực hiện chương trình hoạt động chuyên khoa tại cộng đồng
11.11	Bệnh viện Mắt Nam Định	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác chung, chở người bệnh, trang thiết bị y tế và cán bộ phục vụ khám chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.12	Bệnh viện Nhi Nam Định	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ vận chuyển bệnh nhân
11.13	Bệnh viện Nội tiết Nam Định	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ vận chuyển bệnh nhân
11.14	Bệnh viện Phục hồi chức năng Nam Định	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.15	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Ninh Bình	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.16	Bệnh viện Phổi Hà Nam	5			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe phục vụ công tác chỉ đạo tuyến, giám sát phòng chống lao trong cộng đồng (dự án phòng chống lao cấp để phục vụ hoạt động của dự án)
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ vận chuyển bệnh nhân
		1	Xe chụp X.quang lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	2.600	Xe phục vụ chụp Xquang di động và khám sàng lọc tại cộng đồng - quỹ toàn cầu cấp đang sử dụng

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.17	Bệnh viện Phổi Ninh Bình	2			
		1	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Xe dự án phục vụ công tác phòng chống Lao
		1	Xe chụp X.quang lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	2.600	Xe chuyên dùng dự án phục vụ công tác phòng chống Lao
11.18	Bệnh viện Phổi Nam Định	5			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe chuyên dùng để chỉ đạo tuyến
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển cấp cứu bệnh nhân
11.19	Bệnh viện Phụ sản Nam Định	5			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe chuyên dùng để chỉ đạo tuyến
11.20	Bệnh viện Sản - Nhi Ninh Bình	6			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Xe tải thùng vận chuyển chất thải nguy hại
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe ô tô phục vụ chỉ đạo tuyến

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.21	Bệnh viện Tâm thần Hà Nam	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.22	Bệnh viện Tâm thần Ninh Bình	2			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ hoạt động chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến
11.23	Bệnh viện Tâm thần Nam Định	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.24	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	11			
		1	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ hoạt động chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến
		1	Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.500	Phục vụ hoạt động y tế
		1	Xe chụp X.quang lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	2.600	Xe chụp X.quang lưu động
		7	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe lấy máu (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	800	Xe lấy máu

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.25	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nam	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.26	Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.27	Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.28	Trường Trung cấp Y tế Nam Định	1			
		1	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.100	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan
11.29	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam	1			
		1	Xe chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Xe phục vụ chở học sinh, sinh viên
11.30	Trường cao đẳng Y tế Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.100	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.31	Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Ninh Bình	2			
		2	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Xe phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm ATTP, công tác truyền thông ATTP, giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, xử lý ngộ độc thực phẩm, vận chuyển mẫu
11.32	Chi cục Dân số và trẻ em tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.800	Phục vụ tập huấn, truyền thông giáo dục và thực hiện các hoạt động về công tác Dân số và Trẻ em
11.33	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	13			
		9	Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm (Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế)	1.450	Dùng chung cho các hoạt động vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực phòng, chống dịch bệnh; Phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm
		3	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm; Sử dụng để vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc, vận chuyển vắc xin, sinh phẩm xuống các xã phường trong tỉnh.
		1	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	450	Chở máy phun và hóa chất lưu động
11.34	Trung tâm Bảo trợ xã hội Hà Nam	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ chuyển tuyến, trực cấp cứu

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.35	Trung tâm cấp cứu 115 tỉnh Ninh Bình	15			
		15	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Vận chuyển cấp cứu
11.36	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm Mỹ phẩm tỉnh Ninh Bình	2			
		2	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.200	Xe phục vụ công tác lấy mẫu kiểm tra, kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm
11.37	Trung tâm Pháp y tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi (Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế)	1.100	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi
11.38	Trung tâm Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Ninh Bình	1			
		1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.39	Bệnh viện Đa khoa Bình Lục	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.40	Bệnh viện Đa khoa Duy Tiên	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.41	Bệnh viện Đa khoa Gia Viễn	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.42	Bệnh viện Đa khoa Giao Thủy	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.43	Bệnh viện Đa khoa Hoa Lư	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.44	Bệnh viện Đa khoa Kim Bảng	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.45	Bệnh viện Đa khoa Lý Nhân	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.46	Bệnh viện Đa khoa Thành Nam	4			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Thu gom rác thải y tế
11.47	Bệnh viện Đa khoa Nam Trực	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.48	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hưng	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.49	Bệnh viện Đa khoa Tam Điệp	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
11.50	Bệnh viện Đa khoa Thanh Liêm	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.51	Bệnh viện Đa khoa Trục Ninh	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.52	Bệnh viện Đa khoa Vụ Bản	3			
		3	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.53	Bệnh viện Đa khoa Xuân Trường	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.54	Bệnh viện Đa khoa Ý Yên	4			
		4	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.55	Bệnh viện Đa khoa Yên Khánh	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11.56	Bệnh viện Đa khoa Yên Mô	2			
		2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
II	XÃ, PHƯỜNG	85			
1	Phường Phù Vân	1			
1.1	Trạm Y tế phường Phù Vân	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
2	Phường Châu Sơn	1			
2.1	Trạm Y tế phường Châu Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
3	Phường Duy Tiên	1			
3.1	Trạm Y tế phường Duy Tiên	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
4	Phường Duy Tân	1			
4.1	Trạm Y tế phường Duy Tân	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
5	Phường Đồng Văn	1			
5.1	Trạm Y tế phường Đồng Văn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
6	Phường Kim Bảng	1			
6.1	Trạm Y tế phường Kim Bảng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
7	Phường Lê Hồ	1			
7.1	Trạm Y tế phường Lê Hồ	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
8	Phường Tam Chúc	1			
8.1	Trạm Y tế phường Tam Chúc	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
9	Phường Liêm Tuyền	1			
9.1	Trạm Y tế phường Liêm Tuyền	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
10	Phường Nam Định	1			
10.1	Trạm Y tế phường Nam Định	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
11	Phường Thành Nam	1			
11.1	Trạm Y tế phường Thành Nam	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
12	Phường Hồng Quang	1			
12.1	Trạm Y tế phường Hồng Quang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
13	Phường Nam Hoa Lư	1			
13.1	Trung tâm Dịch vụ đô thị phường Nam Hoa Lư	1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Phục vụ công tác vận chuyển rác thải sinh hoạt
14	Phường Tam Điệp	1			
14.1	Trạm Y tế phường Tam Điệp	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
15	Phường Trung Sơn	24			
15.1	Trạm Y tế phường Trung Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
15.2	Nhà máy xử lý chất thải rắn Ninh Bình	23			
		18	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Xe ô tô chở rác
		4	Xe hút bùn và chất thải (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	4.800	Xe ô tô hút bùn
		1	Xe tưới nước (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	2.500	Xe ô tô tưới nước

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
16	Phường Yên Sơn	1			
16.1	Trạm Y tế phường Yên Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
17	Xã Bình Giang	1			
17.1	Trạm Y tế xã Bình Giang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
18	Xã Bình An	1			
18.1	Trạm Y tế xã Bình Giang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
19	Xã Bình Sơn	1			
19.1	Trạm Y tế xã Bình Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
20	Xã Lý Nhân	1			
20.1	Trạm Y tế xã Lý Nhân	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
21	Xã Trần Thương	1			
21.1	Trạm Y tế xã Trần Thương	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
22	Xã Vĩnh Trụ	1			
22.1	Trạm Y tế xã Vĩnh Trụ	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
23	Xã Nhân Hà	1			
23.1	Trạm Y tế xã Nhân Hà	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
24	Xã Ý Yên	1			
24.1	Trạm Y tế xã Ý Yên	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
25	Xã Tân Minh	1			
25.1	Trạm Y tế xã Tân Minh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
26	Xã Nghĩa Hưng	1			
26.1	Trạm Y tế xã Nghĩa Hưng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
27	Xã Nghĩa Sơn	1			
27.1	Trạm Y tế xã Nghĩa Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
28	Xã Quỹ Nhất	1			
28.1	Trạm Y tế xã Quỹ Nhất	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
29	Xã Nghĩa Lâm	1			
29.1	Trạm Y tế xã Nghĩa Lâm	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
30	Xã Nam Ninh	1			
30.1	Trạm Y tế xã Nam Ninh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
31	Xã Minh Thái	1			
31.1	Trạm Y tế xã Minh Thái	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
32	Xã Xuân Hồng	1			
32.1	Trạm Y tế xã Xuân Hồng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
33	Xã Xuân Giang	1			
33.1	Trạm Y tế xã Xuân Giang	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
34	Xã Xuân Hưng	1			
34.1	Trạm Y tế xã Xuân Hưng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
35	Xã Giao Minh	1			
35.1	Trạm Y tế xã Giao Minh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
36	Xã Giao Thủy	1			
36.1	Trạm Y tế xã Giao Thủy	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
37	Xã Giao Hưng	1			
37.1	Trạm Y tế xã Giao Hưng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
38	Xã Giao Hòa	1			
38.1	Trạm Y tế xã Giao Hòa	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
39	Xã Giao Bình	1			
39.1	Trạm Y tế xã Giao Bình	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
40	Xã Giao Phúc	1			
40.1	Trạm Y tế xã Giao Phúc	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
41	Xã Hải Thịnh	1			
41.1	Trạm Y tế xã Hải Thịnh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
42	Xã Gia Tường	1			
42.1	Trạm Y tế xã Gia Tường	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
43	Xã Cúc Phương	1			
43.1	Trạm Y tế xã Cúc Phương	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
44	Xã Phú Sơn	1			
44.1	Trạm Y tế xã Phú Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
45	Xã Thanh Sơn	1			
45.1	Trạm Y tế xã Thanh Sơn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
46	Xã Quỳnh Lưu	1			
46.1	Trạm Y tế xã Quỳnh Lưu	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
47	Xã Phú Long	1			
47.1	Trạm Y tế xã Phú Long	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
48	Xã Gia Viễn	1			
48.1	Trạm Y tế xã Gia Viễn	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
49	Xã Đại Hoàng	1			
49.1	Trạm Y tế xã Đại Hoàng	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
50	Xã Yên Khánh	2			
50.1	Trạm Y tế xã Yên Khánh	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
50.2	Trung tâm Vệ sinh môi trường đô thị Yên Khánh	1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Thu gom rác thải trên địa bàn xã
51	Xã Khánh Thiện	1			
51.1	Trạm Y tế xã Khánh Thiện	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
52	Xã Khánh Trung	1			
52.1	Trạm Y tế xã Khánh Trung	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
53	Xã Khánh Hội	1			
53.1	Trạm Y tế xã Khánh Hội	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
54	Xã Phát Diệm	2			
54.1	Trạm Y tế xã Phát Diệm	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
54.2	Trung tâm Vệ sinh môi trường đô thị Kim Sơn	1	Xe chở rác (Xe ô tô có kết cấu đặc biệt)	1.500	Thu gom rác thải trên địa bàn xã

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng
55	Xã Chát Bình	1			
55.1	Trạm Y tế xã Chát Bình	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
56	Xã Lai Thành	1			
56.1	Trạm Y tế xã Lai Thành	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
57	Xã Định Hóa	1			
57.1	Trạm Y tế xã Định Hóa	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
58	Xã Kim Đông	1			
58.1	Trạm Y tế xã Kim Đông	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
59	Xã Yên Từ	1			
59.1	Trạm Y tế xã Yên Từ	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh
60	Xã Đồng Thái	1			
60.1	Trạm Y tế xã Đồng Thái	1	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1.500	Phục vụ công tác cấp cứu và khám, chữa bệnh